**PHỤ LỤC 01**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2023*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**Phụ lục 14**

**MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU MUA DƯỢC LIỆU, VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN QUA MẠNG ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIA ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ**

**HỒ SƠ MỜI THẦU**

Số hiệu gói thầu và số thông báo mời thầu *(trên Hệ thống):*

**Tên gói thầu** *(theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):*

**Dự án** *(theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):*

**Phát hành ngày** *(theo nội dung thông báo mời thâu trên Hệ thống):*

**Ban hành kèm theo Quyết định** *(theo nội dung thông báo mời tháu trên Hệ thống):*

**Tư vấn lập hồ sơ mời thầu  
 (nếu có)***[ghi tên, đóng dâu]*

**Bên mời thầu**

*[ghi tên, đóng dấu]*

**MỤC LỤC**

**HỒ SƠ MỜI THẦU 2**

**MÔ TẢ TÓM TẮT 4**

**TÙ NGỮ VIẾT TẮT 6**

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU 7**

Chương I. CHỈ DẢN NHÀ THẦU 7

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU 29

CHƯƠNG IV. BIÊU MẪU MỜI THẦU VÀ Dự THẦU 35

**Phần 2. YÊU CẦU VÈ PHẠM VI CUNG CÁP 53**

Chương V. Phạm vi cung cấp 53

**Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỌP ĐỒNG VÀ BIỂU MẨU HỢP ĐỒNG 53**

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng 53

Chương VII. Điều kiện cụ thế của hợp đồng 53

Chương VIII. BIÊU MẢU HỢP ĐỒNG 53

**Phần 4. PHỤ LỤC 53**

**MÔ TẢ TÓM TẮT**

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

**Chuong I. Chỉ dẫn nhà thầu**

* Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu và thực hiện theo Chương này. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.
* Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

**Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

* Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu và thực hiện theo Chương này.
* Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thong (webform). Bên mời thầu nhập các nội dung thông tin vào BDL trên Hệ thống.

**Chuong III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ SO’dụ’ thầu**

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, trong đó:

* Mục 1 (Đánh giá tính họp lệ của HSDT) thực hiện theo Mục 1 Chương này và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thong.
* Các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu còn lại thực hiện theo các Mục 2, 3, 4, 5 Chương III Mau hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm dược liệu và vị thuốc cổ truyền tại cơ sở y tế công lập (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 09/2022/TT-BYT) và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chuong IV. Biểu mẫu dự thầu**

* Chương này bao gồm các biểu mầu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, trong đó:
* Mầu số 01 - Đơn dự thầu, Mau số 02 - Giấy ủy quyền, Mầu số 03 - Thỏa thuận liên danh, Mau số 05 - Bảng giá dự thầu và Mau sổ 00 - Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của thuốc được thực hiện theo Chương này và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù họp với gói thầu đê phát hành HSMT và nộp HSDT trên Hệ thống.
* Đối với các biếu mẫu còn lại được thực hiện theo Chương IV Mầu hồ sơ mời

thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống. /

**Phần 2. YÊU CẰU VỀ PHẠM VI CUNG CÁP**

**Chương V. Phạm vi cung cấp**

* Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp dược liệu, vị thuốc cỗ truyền, yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của dược liệu, vị thuốc cổ truyền thực hiện theo Mầu số 00 Chương IV Mầu hồ sơ này và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập thông tin vào các webfomi tương ứng phù họp với gói thầu để phát hành HSMT và nộp HSDT trên Hệ thống.
* Các nội dung còn lại thực hiện theo Chương V Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 3. ĐIÈU KIỆN HỌP ĐÒNG VÀ BIỂU MẪU HỌP ĐỒNG**

**Chương VI. Điều kiện chung ciía họp đồng**

* Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.
* Chương này thực hiện theo Chương VI Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chuong VII. Điều kiện cụ thể của họp đồng**

Chương này bao gồm dữ liệu họp đồng và Điều kiện cụ thê, trong đó có điều khoản cụ thể cho mồi họp đồng. Điều kiện cụ thế của họp đồng nhằm chi tiết hóa, bố sung nhung không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này thực hiện theo Chương VII Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư sổ 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chương VIII. BIỂU MẢU HỌP ĐỒNG**

Chương này gồm các biếu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm úng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước kill hợp đồng có hiệu lực.

Chương này thực hiện theo Chương VIII Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 4. PHỤ LỤC**

Bảng tiêu chuấn đánh giá về kỹ thuật.

Phần này thực hiện theo Phần 4 Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư sổ 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống. ***f***

**TỪ NGỮ VIÉTTẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| CDNT | Chỉ dẫn nhà thầu |
| BDL | Bảng dừ liệu đấu thầu |
| HSMT | Hồ sơ mời thầu |
| HSDT | Hồ sơ dự thầu |
| ĐKC | Điều kiện chung của hợp đồng |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thể của hợp đồng |
| VND | Đồng Việt Nam |
| TBMT | Thông báo mời thầu |

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU  
Chương I. CHỈ DẨN NHÀ THẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Phạm vi gói thầu và thòi gian thực hiện hợp**  **đồng** | 1. Bên mời thầu quy định tại **BDL** phát hành bộ HSMT này đế lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm dược liệu, vị thuốc cố truyền được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ. 2. Tên gói thầu; số hiệu, số lượng các phần (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) thuộc gói thầu quy định tại **BDL.** 3. Thời gian hiệu lực thỏa thuận khung đối với đầu thầu tập trung và thời gian thực hiện họp đồng quy định tại **BDL.** |
| **2. Nguồn vốn** | Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại **BDL.** |
| **3. Hành vi bị cấm** | 1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn đế can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu. 3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: 4. Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc lứt đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu; 5. Thỏa thuận đe một hoặc nhiều bên chuấn bị HSDT cho các bên tham dự thầu đê một bên thắng thầu; 6. Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp dược liệu, vị thuốc co truyền, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận. 7. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: 8. Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào; 9. Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; 10. Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDT làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 11. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:   a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gọi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thấm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; |

1. Các hành vi cản trở đổi với nhà thầu, cơ quan có thâm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.
2. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:
3. Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;
4. Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đổi với cùng một gói thầu;
5. Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia tham định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;
6. Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tố chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm thuốc do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

1. Đúng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kế từ khi thôi việc tại cơ quan, tố chức đó;
2. Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;
3. Nêu yêu cầu cụ thế về nhãn hiệu, xuất xứ dược liệu, vị thuốc cổ truyền trong HSMT;
4. Chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định cũa Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.
5. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 73, khoản 12 Điều 74, điểm i khoản 1 Điều 75, khoản 7 Điều 76, khoản 7 Điều 78, điểm d khoản 2 Điều 92 của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13:
6. Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;
7. Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
8. Nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thâm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;   đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;   1. Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật. 2. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi 3. Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhung trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết; 4. Chủ đầu tư chấp thuận đê nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm cũa nhà thầu phụ đà kê khai trong hợp đồng. 5. Tố chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu. |
| **4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu** | 1. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm qưyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất dược liệu, vị thuốc co truyền và/hoặc bán buôn dược liệu, vị thuốc cổ truyền. 2. Hạch toán tài chính độc lập. 3. Không đang trong quá trình giải thế; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật. 4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL.** 5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. 6. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống. |
| **5. Tính họp lệ của dược liệu, vị thuốc co truyền** | 1. Dược liệu, vị thuốc cổ truyền dự thầu được coi là phù hợp khi đáp ứng các điều kiện sau đây: 2. Phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định tại mục 15.4 của chương này. 3. Bảo đảm về chất lượng: 4. Nhà thầu bảo đảm các tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu, vị thuốc cổ truyền theo yêu cầu quy định tại HSMT; 5. Dược liệu tham dự thầu không bị thu hồi theo Điều 62 Luật Dược số 105/2016/QH13; |

1. Dược liệu sơ chê, vị thuôc cô truyên được sản xuât tại cơ sở đạt “Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc” (GMP) có phạm vi sản xuất dược liệu và/hoặc vị thuốc cổ truyền hoặc tương đương và đảm bảo chất lượng theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT;
2. Dược liệu, vị thuốc cố truyền tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021;

đ) VỊ thuốc cổ truyền tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

1. Trường họp một hoặc một sổ lô dược liệu, vị thuốc cổ truyền bị thu hồi thì các lô dược liệu, vị thuốc cổ truyền không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành họp pháp và chi’ bị trừ điểm đối với tiêu chí kỹ thuật tại mục 2 và mục 3 Phụ lục 4 - Bảng tiêu chuấn đánh giá về kỹ thuật của Thông tư này.
2. Dược liệu, vị thuốc cố truyền dự thầu vào gói thầu, nhóm tiêu chí kĩ thuật phù hợp theo quy định tại HSMT.
3. Đe chứng minh tính hợp lệ của dược liệu, vị thuốc cố truyền dự thầu quy định tại Mục 5.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ thông tin sau:
4. Đối với dược liệu: số giấy đăng ký lưu hành hoặc số công bố tiêu chuân chất lượng hoặc sổ giấy phép nhập khẩu dược liệu và các tài liệu kèm theo đế minh chứng tính hợp lệ của dược liệu quy định tại **BDL.**
5. Đối với vị thuốc cố truyền: sổ giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kèm theo để minh chứng tính họp lệ của vị thuốc cô truyền quy định tại **BDL.**
6. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dược liệu, vị thuốc cổ truyền dự thầu được phép làm rõ quy định tại Mục 23 CDNT.

**6. Nội dung** 6.1. HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3, 4 và cùng với tài liệu sửa  
**của HSMT** đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT (nếu

có), trong đó cụ thê bao gôm các nội dung sau đây:

**Phần 1. Thù tục đấu thầu:**

* Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
* Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;
* Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
* Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.

**Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:**

* Chương V. Phạm vi cung cấp.

**Phần 3. Điều kiện họp đồng và Biểu mẫu họp đồng:**

* Chưong VI. Điều kiện chung của họp đồng;
* Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Chương VIII. Biểu mẫu họp đồng.  **Phần 4. Phụ lục**   1. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đối HSMT theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. HSMT do Bên mời thầu phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 2. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) đê chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp. |
| **7. Sửa đổi**  **HSMT** | 1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đôi kèm theo các nội dung sửa đoi và HSMT đã được sửa đối cho phù họp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi phải được thực hiện trước thời điềm đóng thầu tối thiêu 10 ngày làm việc và bảo đảm đủ thời gian đê nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 2. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đối HSMT, thay đoi thời điểm đóng thầu (nểu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. |
| **8. Làm rõ**  **HSMT** | 1. Trường họp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu đe xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rổ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đối HSMT thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 3. Trường họp cần thiết, Bên mời thầu tố chức hội nghị tiền đấu thầu đe trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đối giữa Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối da 02 ngày làm việc, kế từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. |



|  |  |
| --- | --- |
|  | 8.4. Trường họp HSMT cần phải sửa đổi sau khi tố chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đối HSMT. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiên đâu thâu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu. |
| **9. Chi phí dự thầu** | HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT theo quy định tại **BDL.** Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. |
| **10. Ngôn ngữ của HSDT** | HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được trao đôi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường họp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có the yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung. |
| **11. Thành phần của**  **HSDT** | HSDT phải bao gồm các thành phần sau:   1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 12 CDNT và Mầu số 01 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; 2. Thỏa thuận liên danh đối với trường họp nhà thầu liên danh theo Mầu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; 3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT; 5. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT; 6. Đe xuất về kỳ thuật và các tài liệu chứng minh sự phù hợp của dược liệu, vị thuốc cố truyền theo quy định tại Mục 15CDNT; ' 7. Đe xuất về giá và các bảng biếu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 12 và Mục 13 CDNT; 8. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL.** |
| **12. Đon dụ- thầu và các bảng biểu** | Nhà thầu điền đầy đủ thông tin về đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), bảng giá dự thầu, tiến độ cung cấp vào các Mầu ở Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Nhà thầu kiểm tra thông tin được Hệ thống trích xuất đế hoàn thành HSDT.  Đối với các biếu mẫu còn lại, nhà thầu lập tương ứng theo các mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và đính kèm trong HSDT. |
| **13. Giá dự thầu và giảm** | 13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: |

giá

7—< «—I 77 *. r .* ' 7~7 —• 7 \—7 7—< a) Giá dự thâu là giá do nhà thâu chào trong đon dự thâu (chưa

14. Đồng tiền

bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mầu số 05 Chưong IV vào đon dự thầu.

1. Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong bảng giá dự thầu. Trưòng họp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:

* Cách thứ nhất: ghi giá trị tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phẩn mà nhà thầu tham dự).
* Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.

1. Đối với gói thầu không chia phẩn, trường họp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi giá trị tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.
2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho từng mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền theo Mầu số 05 Chương IV.
3. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định tại BDL thì nhà thầu có the dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự.
4. Nhà thầu phái chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.
5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điếm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường họp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT cúa nhà thầu sẽ bị loại.

thuế, phí, lệ phi (nếu có) thì HSDT cúa nhà thausejbj loại. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

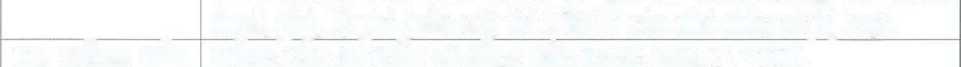
1. **Đồng tiền** Đồng tiền dự thẫu và đồng tiên thanh toán là VND.

dự thẩn và

đồng tiền

thanh toán \_

1. **Tài liệu** 15.1. Đe chứng minh sự phù hợp của dược liệu/vị thuốc cô **chứng minh** truyền so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các



|  |  |
| --- | --- |
| **sụ- phù họp của dược**  **liệu/vị thuốc cỗ truyền** | tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng dược liệu/vị thuốc cố truyền mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp.   1. Tài liệu chứng minh sự phù họp của dược liệu/vị thuốc cổ truyền phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật dược liệu/vị thuốc cổ truyền, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của dược liệu/vị thuốc cổ truyền so với các yêu cầu của HSMT. 2. Các thông tin tiêu chuân kỳ thuật liên quan đến mặt hàng thuốc do Bên mời thầu quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. 3. Tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng:   Nhà thầu phải có Bản cam kết về nguồn gổc xuất xứ của các dược liệu sẽ cung cấp vào cơ sở y tế (tài liệu chímg minh về nguồn gốc, xuất xứ của các lô dược liệu kèm theo trong quá trình cung ứng). Đồng thời, Bản cam kết phải có thêm nội dung về việc bảo đảm các dược liệu tham gia dự thầu có nguồn gốc, xuất xứ đúng với dược liệu được cung cấp thực tế tại cơ sở y tế trong quá trình cung ứng.  Tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của vị thuốc cổ truyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 38/2021/TT-BYT. |
| **16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu** | 1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mau trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc đe phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu. 2. Các tài liệu đế chứng minh năng lực thực hiện họp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại **BDL.** |
| **17. Thòi hạn có hiệu lực của HSDT** | 1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL.** 2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thế đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Neu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đoi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề |

|  |  |
| --- | --- |
|  | nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống. |
| **18. Bảo đảm dự thầu** | 1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điếm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tố chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường họp giá trị bảo đảm dự thầu dưới 10 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 CDNT. Nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp HSDT. Trường họp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.   Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thau theo một trong hai cách sau:   1. Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Neu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điếm b Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận đế một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thê bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Neu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả. 3. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực cùa bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL.** 4. Bảo đảm dự thầu được coi là không họp lệ khi thuộc một trong các trường họp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký họp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu (trong dó bao |



gôm việc không đáp ứng đủ các cam kêt theo quy định tại Mau số 04A, 04B Chương IV).

1. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu. Đổi với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.
2. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu cho bên mời thầu:
3. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng;
4. Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đàm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

* Nhà thầu có văn bản rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;
* Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 32.1 CDNT;
* Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 CDNT;
* Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kế từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đà thương thảo hợp đồng nhưng từ chổi hoàn thiện, ký kểt biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng;
* Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện họp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường họp bất khả kháng.
* Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, ke từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường họp bất khả kháng.

1. Trường họp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thê lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tống giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường họp giá ưị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tông giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyển quyết định lựa chọn bảo dảm dự thầu dỏ được sứ dụng

|  |  |
| --- | --- |
|  | cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;  b) Bảo đảm dự thầu riêng cho tùng phần mà nhà thầu tham dự.  Trường họp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.   1. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. 2. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT dưới 10 triệu đồng, nhà thầu không phải xuất trình thư bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 CDNT. Trong trường họp này, nhà thầu phải cam kết nếu được mời vào thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì phải nộp một khoản tiền bằng giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT. Trường họp nhà thầu từ chổi nộp tiền theo yêu cầu của bên mời thầu, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 6 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Ke hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì nhà thầu bị tịch thu khoản tiền bảo đảm dự thầu này. |
| **19. Thòi điểm đóng thầu** | 1. Thời điểm đóng thầu là thòi điểm quy định tại **TBMT.** 2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi **TBMT.** Khi gia hạn thời điếm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. |
| **20. Nộp, rút và sửa đôi**  **HSDT** | 1. Nộp HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đúng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 2. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rát toàn bộ HSDT đã nộp trước đó đế sửa đôi cho phù họp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Tmờng hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi bên mời thầu thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù họp với HSMT đã được sửa đổi. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu. 2. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời điếm đóng thầu. Sau thời điếm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá. 3. Trường họp sau thời điểm đóng thầu, nhà thầu rút không tham dự đối với phần nào thì không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu của phần đó. |
| **21. Mỏ' thầu** | 1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kế từ thời diêm đóng thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp HSDT thì Bên mời thầu mở thầu ngay mà không phải xử lý tình huống theo quy định tại Khoản 4 Điều 117 Nghị định 63/2014/NĐ - CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điếm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng. 2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: 3. Thông tin về gói thầu:  * Số TBMT; * Tên gói thầu; * Tên bên mời thầu; * Hình thức lựa chọn nhà thầu; * Loại họp đồng; * Thời điếm hoàn thành mở thầu; * Tổng số nhà thầu tham dự.  1. Thông tin về các nhà thầu tham dự:  * Tên nhà thầu; * Giá dự thầu; * Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá; * Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); * Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; * Thời gian có hiệu lực của HSDT; * Thòi gian thực hiện họp đồng; * Các thông tin liên quan khác (nếu có).  1. Trường họp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Mục này. |
| **22. Bảo mật** | 1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) theo quy định tại Mục 23 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. |
| **23. Làm rõ**  **HSDT** | 1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, kế cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. *Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thỉ Bên mời thâu yêu câu nhà thầu làm rõ, bố sung tài liệu đê chứng minh tư cách họp lệ (của nhà thâu tại Mục 4 CDNT; của dược liệu, vị thuốc cố truyền tại Mục 5 CDNT), năng lực và kinh nghiệm.* Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đối nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. 2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỳ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điếm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT. 4. Nhà thầu không thế tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 23.5. Trường họp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rổ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 26.1 E-CDNT. |
| **24. Các sai khác, đặt**  **điều kiện và bỏ sót nội • dung** | Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:   1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; 2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thế hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; 3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT. |
| **25. Xác định tính đáp ứng của HSDT** | 1. Bên mời thâu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT. 2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những diêm trong HSDT mà: 3. Neu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng thuốc; gây hạn chế đáng kế và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong họp đồng; 4. Neu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bàng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSMT. 5. Bên mời thầu phải kiếm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT nhằm khắng định rằng tất cả các yêu cầu quy định tại Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 6. Neu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp úng cơ bản HSMT. |
| **26. Sai sót không nghiêm trọng** | 1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thê chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT. 2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu có thế yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệụ |

|  |  |
| --- | --- |
|  | để khẳc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu. Neu không đáp ứng yêu cầu nói trên cúa Bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại.  26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sè được điều chỉnh đế phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT. |
| **27. Nhà thầu phụ** | 1. Nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ kê khai theo Mau số 12 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính (trừ trường hợp HSMT quy định được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt). Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).   Trường hợp trong HSDT, nếu nhà thầu chính không đề xuất sử dụng nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng nhà thầu phụ thì được hiểu là nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu. Trường họp trong quá trình thực hiện họp đồng, nếu phát hiện việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu chính sẽ được coi là vi phạm hành vi “chuyển nhượng thầu” theo quy định tại Mục 3.8 CDNT.   1. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đà kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường họp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ, ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT mà chưa được Chủ đầu tư chấp thuận được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”. |
| **28. ưu đãi trong lựa**  **chọn nhà**  **thầu** | 28.1. Nguyên tắc ưu đãi:  Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp dược liệu/ vị thuốc cố truyền mà dược liệu/ vị thuốc cổ truyền đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng HSDT:   Dược liệu/ vị thuốc cổ truyền chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được dược liệu/ vị thuốc cổ truyền đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá dược liệu/ vị thuốc cổ truyền. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của dược liệu/ vị thuốc cô truyền được tính theo công thức sau đây:  **D (%) = G\*/G (%)**  Trong đó:   * G\*: Là chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của dược liệu/ vị thuốc cố truyền trong HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có); * G: Là giá chào của dược liệu/ vị thuốc cổ truyền trong HSDT trừ đi giá trị thuế; * D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của thuốc. D > 25% thì dược liệu/ vị thuốc cổ truyền đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục này.  1. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại **BDL.** 2. Trường hợp dược liệu/ vị thuốc cố truyền do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. |
| **29. Đánh giá**  **HSDT** | 1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại **BDL** để đánh giá các HSDT. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác. 2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT: 3. Việc đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT ban hành kèm theo Mầu này; 4. Nhà thầu có HSDT họp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. 5. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: 6. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chưong III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 7. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỳ thuật. 8. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá: 9. Việc đánh giá về kỳ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III- Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 10. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu |

|  |  |
| --- | --- |
|  | chuẩn đánh giá HSDT.   1. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **BDL.** Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. 2. Cho phép dự thầu theo từng phần theo quy định tại Mục 13.2 CDNT thi việc đánh giá HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chưong III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT tương ứng với phần tham dự thầu của nhà thầu. |
| **30. Thương thảo họp**  **đồng** | 1. Việc thương thảo hợp đông phải dựa trên các cơ sở sau đây: 2. Báo cáo đánh giá HSDT; 3. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu; 4. HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có).   Nhà thầu được mời vào thương thảo họp đồng phải nộp bản gốc bảo đảm dự thầu hoặc tiền mặt trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT dưới 10 triệu đồng.   1. Nguyên tắc thương thảo họp đồng: 2. Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT; 3. Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đối đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). 4. Trường họp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không the đến thương thảo họp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo trực tưyến. 5. Nội dung thương thảo hợp đồng: 6. Thương thảo về nhũng nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù họp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; 7. Thương thảo về tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dược liệu, vị thuốc cổ truyền theo quy định tại Thông tư sổ 38/2021/TT - BYT; 8. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi; 9. Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu; |

|  |  |
| --- | --- |
|  | đ) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 26 CDNT;  e) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.   1. Trong quá trình thương thảo họp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của họp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp. 2. Trường họp thương thảo không thành công hoặc nhà thầu không có khả năng đáp ứng số lượng yêu cầu tại Hồ sơ mời thầu, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT. |
| **31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu** | Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:   1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương 111 - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại **BDL;** 5. Ngoài ra, mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền trúng thầu còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây: 6. Mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền trúng thầu phải đáp ứng quy định sau:  * Giá đề nghị trúng thầu của từng mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền không được cao hơn giá trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được người có thẩm quyền phê duyệt. * Trường hợp giá dự thầu của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và nằm trong danh sách xếp hạng đều vượt giá gói thầu đã duyệt thì chủ đầu tư xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày lì/7/2019; * Tuân thủ các quy định khác về quản lý giá dược liệu, vị thuốc cổ truyền, đấu thầu dược liệu, vị thuốc cổ truyền có liên quan.  1. Mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất hoặc giá đánh giá thấp nhất theo quy định thì được xem xét đề nghị trúng thầu; |

|  |  |
| --- | --- |
|  | c) Trường hợp giá đề nghị trúng thầu hoặc giá dự thầu hoặc giá đánh giá bằng nhau thi lựa chọn mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền để xem xét đề nghị trúng thầu theo thứ tự ưu tiên như sau:   * Trao thầu cho nhà thầu có giá đề nghị trúng thầu thấp nhất. * Mặt hàng có điểm kỳ thuật cao hơn hoặc mặt hàng dược liệu có nguồn gốc trong nước hoặc vị thuốc cô truyền được sản xuất từ dược liệu có nguồn gốc trong nước có chất lượng tương đương. * Mặt hàng có điếm kỳ thuật bằng nhau thì xem xét theo thứ tự ưu tiên như sau:   + Mặt hàng được sản xuất trên dây chuyền đạt Thực hành tốt sản xuất dược liệu, vị thuốc cố truyền (GMP) và kiếm soát chất lượng tại Phòng thí nghiệm đạt Thực hành tốt phòng thí nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GLP);  + Mặt hàng của nhà thầu có kinh nghiệm, uy tín trong cung cấp dược liệu, vị thuốc cố truyền vào cơ sở y tế: Căn cứ vào kinh nghiệm cung cấp của nhà thầu, uy tín của nhà thầu trong cung cấp dược liệu, vị thuốc cố truyền tại cơ sở y tế như việc bảo đảm chất lượng, tiến độ cung cấp, có hệ thống phân phối trên địa bàn v.v |
| **32. Hủy thầu** | 1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: 2. Không có nhà thầu tham dự hoặc tất cà HSDT hoặc HSDT vào phần không đáp ứng được các yêu cầu của phần tương ứng nêu trong HSMT; 3. Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT; 4. HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đẩu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án; 5. Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 6. Tố chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 32.1 CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 7. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 32.1 CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đám dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điềm d Mục 32.1 |

|  |  |
| --- | --- |
|  | CDNT. |
| **33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu** | 1. Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSDT trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kểt quả lựa chọn nhà thầu như sau: 2. Thông tin về gói thầu:  * Số TBMT; * Tên gói thầu; * Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); * Tên Bên mời thầu; * Hình thức lựa chọn nhà thầu; * Loại họp đồng;  1. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:  * Mã số doanh nghiệp hoặc số Đăng ký doanh nghiệp của nhà thầu; * Tên nhà thầu; * Giá dự thầu; * Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); * Điểm kỹ thuật (nếu có); * Giá đánh giá (nếu có); * Giá trúng thầu; * Thời gian thực hiện hợp đồng.  1. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 2. Trường họp hủy thầu theo quy định tại điếm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu. 3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 33.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa là 5 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu. |
| **34. Thay đổi số lưọng**  **dược liệu/vị thuốc cổ**  **truyền** | Vào thời điếm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm số lượng dược liệu/vị thuốc cổ truyền nêu trong Chương V - Phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT. |
| **35. Thông** | Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, |

|  |  |
| --- | --- |
| **báo chấp**  **thuận HSDT và trao hợp đồng** | Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết họp đồng theo quy định tại Mau sổ 14 ChưoTig VIII -Biểu mẫu họp đồng cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã đuợc xác minh là đủ năng lực để thực hiện hợp đồng. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ họp đồng. Trường họp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện họp đong theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kể từ ngày bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống. |
| **36. Điều kiện ký kết họp đồng** | 1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 2. Tại thời điếm ký kết họp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính đế thực hiện gói thầu. Neu có dấu hiệu nhà thầu không đáp ứng số lượng tại HSMT, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chứng minh số lượng dược liệu/vị thuốc cố truyền của doanh nghiệp đáp ứng số lượng tại HSMT như yêu cầu bố sung thẻ kho the hiện xuất nhập tồn mặt hàng dược liệu, vị thuốc cố truyền dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng.   Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.   1. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác đế triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ. |
| **37. Bảo đảm thực hiện họp đồng** | 1. Trước khi họp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động họp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc với nội dung và yêu cầu như quy định tại Mục 6.1 **ĐKCT.** Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mầu số 15 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận. 2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện họp đồng trong trường hợp sau đây: |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Từ chối thực hiện họp đồng khi họp đồng có hiệu lực; 2. Vi phạm thỏa thuận trong họp đồng; 3. Thực hiện họp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhung từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện họp đồng. |
| **38. Giải quyết kiến nghị**  **trong đấu thầu** | Khi thấy quyền và lợi ích họp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại **BDL.** Việc giải quyết kiến nghị trong đau thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Mục 2 Chương XII Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. |
| **39. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu** | Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại **BDL.** |

**Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **CDNT 1.1** | Tên Bên mời thầu: *[Theo tên đăng kỷ trên Hệ thong].* |
| **CDNT 1.2** | Tên gói thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất].*  Tên dự án là: *[Hệ thống tự động trích xuất].*  Số lượng và số hiệu các phần thuộc gói thầu: *[Theo Mục*  *18.2 BDL].* |
| **CDNT 1.3** | Thời gian hiệu lực thỏa thuận khung đối với đấu thầu tập trung: *[ghi thời gian cụ thê theo kê hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].*  Thời gian thực hiện hợp đồng: *[ghi thời gian cụ thế theo kế*  *hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].* |
| **CDNT2** | Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): *[Theo TBMT].* |
| **CDNT 4.4** | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:   * Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bẽn mời thầu],* trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn. * Nhà thầu tham dự thầu không có cố phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thê như sau:   + Tư vấn lập, thấm định HSMT: *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nêu có)];*  + Tư vấn đánh giá HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: *[ghi đầy đủ tên và địa chi của đơn vị tu- vấn (nếu có)].*  Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với1: *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chií*  *đâu tư, Bên mời thâu].* |
| **CDNT 5.3.1** | Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của dược liệu dự thầu:  *[- Các thông tin phải phù hợp với thông tin vê dược liệu trong đơn hàng nhập khâu hoặc bản công bổ tiêu chuẩn chất lượng dược liệu hoặc giấy đăng ký lưu hành của dược liệu do Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cỏ truyền/Cục Quản lý Dược) cấp.*  *- Đối vói trường hợp mặt hàng tham dự thầu là dược liệu nằm trong đơn hàng nhập khấu hết hiệu lực hoặc cỏ giấy* |

1 Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *đăng kỷ lưu hành hết hiệu lực hoặc hết thời hạn gia hạn hiệu lực trước thời điêm đóng thầu, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chứng minh dược liệu được nhập kháu hoặc sản xuất trong thời hạn hiệu lực của đơn hàng nhập kháu hoặc giấy đăng ký’ lưu hành hoặc thời hạn gia hạn hiệu lực của giây đăng ký’ lưu hành và đảm bảo đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu cùa hồ sơ mời thầu (tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuát xứ; thẻ kho thẻ hiện xuớt nhập tôn mặt hàng dự tháu và hóa đon mua vào, bán ra tương ứng).*  *- Đổi với trường hợp giây chứng nhận đáp ứng thực hành tôt sản. xuất dược liệu (GMP) hết hiệu lực trước thời diêm đỏng thầu, nhà thau cần cung cấp các tài liệu chứng minh dược liệu được sản xuất ưong thời hạn hiệu lực của GMP và đảm bảo đủ sô lượng cung ứng theo yêu câu của hô sơ mời thầu (thẻ kho thê hiện xuát nhập tôn mặt hàng dự thâu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng)].* |
| **CDNT 5.3.2** | Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của vị thuốc cố truyền dự thầu:  *[- Các thông tin phải phù họp với thông tin về vị thuốc cổ truyên trong giấy đăng ký lưu hành hoặc đon hàng nhập khâu của vị thuốc cổ truyền được Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cố truyền/Cục Quản lý Dược) cấp.*   * *Đối với trường hợp mặt hàng tham dự thầu là vị thuốc cổ truyền có giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực hoặc hết thời hạn gia hạn hiệu lực trước thời điếm đóng thầu, nhà thầu cần cung câp các tài liệu chứng minh vị thuôc cô được sản xuât trong thời hạn hiệu lực của đơn hàng nhập khâu hoặc giấy đăng ký lưu hành hoặc thời hạn gia hạn hiệu lực của giấy đãng ký lưu hành và đảm bảo đủ số lượng cung úng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ; thẻ kho thế hiện xuất nhập tồn mặt hàng dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng).* * *Đôi với trường hợp giấy chúng nhận đáp ứng thực hành tốt sản xuất vị thuốc cố truyền (GMP) hết hiệu lực trước thời diêm đông thầu, nhà thầu cần cung cấp các tài liệu chúng minh vị thuôc cô truyên được sản xuât trong thời hạn hiệu lực của GMP và đảm bảo đủ sô lượng cung ủng theo yêu câu của hô sơ mời thâu (thẻ kho thê hiện xuât nhập tồn mặt hàng dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương úng)].* |
| **CDNT 8.3** | Hội nghị tiền đấu thầu: *[ghi* "có" *hoặc* "không".  *Trường hợp "có" thì ghi rõ thời gian, địa điếm tô chức hội nghị tiên đâu thâu, sô điện thoại của người chịu trách nhiệm* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *tô chức hội nghị tiền đấu thầu]* |
| **CDNT9** | Chi phí nộp HSDT: *[Hệ thống tự trích xuất theo quy*  *định hiện hành].* |
| **CDNT 11.8** | Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau dây: *[ghi tên các tài liệu cán thiết khác mà nhà thâu cân nộp cùng với HSDT theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự thâu của nhà thầu. Neu không có yêu câu thì phải ghi rõ là* “không yêu cầu ”]. |
| **CDNT 13.2** | Các phần của gói thầu: *[Do gói thầu được chia thành nhiều phân độc lập nêu rõ danh mục của tùng phẩn và điêu kiện dự thầu theo tùng phần. Trong Mục này cũng quy định rõ cách chào giả riêng cho từng phần, giả trị bảo đảm dự thâu cho từng phần của gói thầu].* |
| **CDNT 16.2** | Các tài liệu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:   1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: Trong phạm vi kinh doanh phải ghi rõ sản xuất dược liệu, vị thuốc cô truyền và/hoặc bán buôn dược liệu, vị thuốc cô truyền; 2. Thông tin về đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuấn thực hành tổt theo từng loại hình kinh doanh:  * Đối với cơ sớ nhập khẩu dược liệu, vị thuốc cổ truyền: Giấy chứng nhận đạt GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuôc, phạm vi bảo quản dược liệu, vị thuôc cô truyền). * Đối với cơ sở bán buôn dược liệu, vị thuốc cố truyền: Giấy chứng nhận đạt GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, phạm vi bán buôn dược liệu, vị thuốc cố truyền). * Đối với cơ sở sản xuất dược liệu, vị thuốc co truyền: Giấy chứng nhận đạt GMP (Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, phạm vi sản xuất dược liệu, vị thuốc co truyền). * Đối với dược liệu đạt GACP: Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP. * Nhà thầu ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại mẫu số 05 (5a và 5b) của Biêu mẫu dự thầu đe phục vụ việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục I, Phần 4, Phụ lục “Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật”;  1. Hoá đơn bán dược liệu, vị thuốc cố truyền hoặc Hợp đồng cung ứng dược liệu, vị thuốc cố truyền cho các cơ sở y tế hoặc các tài liệu khác để chứng minh kinh nghiệm cung úng |

|  |  |
| --- | --- |
|  | dược liệu, vị thuốc cổ truyền để đánh giá theo quy định tại Mục 2, Chương III “Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm”;  Các tài liệu do nhà thầu cung cấp khi tham dự thầu là bản chụp có đóng dấu xác nhận của nhà thầu đồng thời nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc đe phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu. |
| **CDNT 17.1** | Thời hạn hiệu lực của HSDT là: > ngày *[trích xuất theo*  *TBMT],* kế từ ngày có thời điếm đóng thầu. |
| **CDNT 18.2** | Nội dung bảo đảm dự thầu:   * Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: *[Xác định theo Mau số 00 Chương IV]* * Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: *[Hệ thong trích xuất từ TBMT]* |
| **CDNT 28.3** | Cách tính ưu đãi:  *[Trường hợp áp dụng phương pháp giả thấp nhất thì quy định dược liệu/ vị thuốc cố truyền không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiên băng 7,5% giá dự thâu trừ đi giá trị giảm giá (nêu có) của dược liệu/ vị thuốc có truyền đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giả (nếu có) của nhà thầu đê so sánh, xếp hạng.*  *Trường hợp áp dụng phương pháp giả đánh giá thỉ quy định thuốc không thuộc đổi tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm, một khoán tiền bằng* 7,*5°/o giá dự thâu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của thuốc đó vào giá đảnh giá của nhà thầu đẻ so sánh, xêp hạng].* |
| **CDNT 29.1** | Phương pháp đánh giá HSDT là:   1. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt; 2. Đánh giá về kỹ thuật: *[ghi cụ thế phương pháp đánh*   *giá về kỹ thuật. Bên mời thầu căn cứ quy mô, tính chất của gói tháu mà áp dụng phương pháp đánh giá theo phương pháp chấm diêm cho phù hợp với tiêu chuân đảnh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đảnh giá HSDT];*   1. Đánh giá về giá: *[ghi cụ thê phương pháp đánh giá về*   *giá. Bên mời thầu căn cứ quy mô, tỉnh chất của gói thầu mà áp dụng phương plĩảp giả thảp nhát hoặc phương pháp giá đánh giá cho phù họp với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 4 Chưong III - Tiêu chuân đảnh giá HSDT].* |
| **CDNT 29.5** | xếp hạng nhà thầu: *[Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 CDNT như sau:*  - Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: *“nhà thầu có giá dự thầu sau khỉ trừ đi giá trị giảm giả (nếu có) thấp nhất được* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *xếp hạng thứ nhất ”;*  - Chọn phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: *‘ ‘nhà thầu có giả đảnh giá thấp nhất được xêp hạng thứ nhất”].* |
| **CDNT 31.4** | *[Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 như sau:*  Trường họp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: *“nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất*  Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: *“nhà thầu có giả đảnh giá tháp nhất”].* |
| **CDNT 34** | Tỷ lệ tăng số lượng tối đa là: thông thường tối đa không quá 10% *[ghi tỷ lệ %];*  Tỷ lệ giảm số lượng tối đa là: thông thường tối đa không quá 10% *[ghi tỷ lệ %].* |
| **CDNT 38** | * Địa chỉ của Chủ đầu tư: *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, sổ điện thoại, so fax];* * Địa chỉ của Người có thấm quyền: *[ghi đầy đủ tên, địa*   *chi, sổ điện thoại, so fax];*   * Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn:   *[ghi đây đủ tên, địa chỉ, sô điện thoại, sô fax].* |
| **CDNT 39** | Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát:*f'ghi đầy đủ tên, địa chỉ, so điện thoại, so fax của tố chức, cá nhãn được Người có thám quyên giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi, giám sát quá trỉnh lụa chọn nhà thâu của gói thầu/dự án (nếu có)].* |

**Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT**

Mục 1. Đánh giá tính họp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường họp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bào lãnh phải được đại diện họp pháp của tố chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đon vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT. Thư bảo lãnh không được ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mau so 04A, 04B Chưong IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bào đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cử vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu đế đánh giá.
2. Trong trường hợp liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thế và ước tính giá trị tưcmg ứng mà tùng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mầu số 03 Chương IV - Biểu mầu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mầu số 05 Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.
3. Nhà thầu bảo đảm tư cách họp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.
4. Mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền bảo đảm tư cách hợp lý theo quy định tại Mục 5 CDNT.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu còn lại thực hiện theo các Mục 2, 3, 4 và 5 Chương III Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**CHƯƠNG IV. B1ÉU MẪU MỜI THẦU VÀ DỤ THẦU**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Biểu mẫu** | **Cách thực hiện** | **Trách nhiệm thực hiện • •** | | **Văn bản pháp lý quy định** |
| **Bên mời thầu** | **Nhà thầu** |  |
| 1 | Mầu số 00. Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỳ thuật của dược liệu/vị thuổc cố truyền | Webform | **X** |  | Thực hiện theo quy định tại Phụ lục này |
| 2 | Mau số 01. Đơn dự thầu |  | **X** |
| 3 | Mau sổ 03. Thỏa thuận liên danh |  | **X** |
| 4 | Mau số 05. Bảng giá dự thầu |  | **X** |
| 5 | Mau số 02. Giấy ủy quyền | Scan đính kèm lên Hệ thống |  | **X** |
| 6 | Mầu số 04(a). Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập) |  |  |
| 7 | Mầu số 04(b). Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh) |  |  |
| 8 | Mau so 06(a). Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với dược liệu/ vị thuốc cô truyền được hưởng ưu đãi | Scan đính kèm lên Hệ thống |  | **X** | Thực hiện theo Chương IV Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư sổ 09/2022/TT-  BYT |
|  | **X** |
|  | **X** |
| 9 | Mau số 06(b). Bảng thuyết minh chi phí sản xuất trong nước trong cơ cấu giá |  | **X** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 10 | Mầu số 07(a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu |  |  | X |  |
| 11 | Mau số 07(b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh |  | X |
| 12 | Mau số 08(a). Bảng tổng họp họp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện |  | X |
| 13 | Mau số 08(b). Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện |  | X |
| 14 | Mầu số 9. Tình hình tài chính của nhà thầu |  | X |
| 15 | Mầu số 10. Nguồn lực tài chính |  | X |
| 16 | Mầu số 11. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các họp đồng đang thực hiện |  | X |
| 17 | Mầu số 12. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ |  | X |

**Mẩu số 01 (webform trên Hệ thống)**

ĐON Dự THẦU (1)

Ngày:*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi:*[Hệ thong tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu:*[Hệ thống tự động trích xuất]* cam kết thực hiện gói thầu*[ Hệ thong tự động trích xuất]* số TBMT:*[Hệ thong tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng sổ tiền) là *[Hệ thống tự động trích xuất]* cùng với các bảng tống họp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là*[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].*

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: *[Hệ thong tự động*

*tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT:*[Hệ thong tự động trích xuất]*

Bảo đảm dự thâu: *[ghi giả trị băng số, bằng chữ và đông tiên của bảo*

*đảm dự thầu]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu:*[ghi thời gian hiệu lực kế từ ngày đóng thầu]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đãng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đãng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường họp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác.
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.
6. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các vãn bản bố sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
7. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện họp đồng theo quy định của HSMT.

Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu (hoặc bảo đảm dự thầu bằng tiền mặt nếu có giá trị nhở hơn 10 triệu đồng) theo yêu cầu của Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kê từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Ke hoạch và Đầu tư nhận được vãn bản đề nghị của Chú đầu tư.

Ghi chú:

1. Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDT qua mạng.

**Mẩu số 02 (scan đính kèm)**

GIẤY ỦY QUYÈN(I)

Hôm nay, ngày tháng năm , tại

Tôi là *[ghi tên, số CMND hoặc sổ hộ chiếu, chức danh của người*

*đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại *[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản

này ủy quyền cho *[ghi tên, so CMND hoặc so hộ chiếu, chức danh của.*

*người được ủy quyền]thực* hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* do*[ghi tên Bên mời thâu]* tô chức:

* *Ký các văn bản, tài liệu đê giao dịch với Bên mời thâu trong quá trình tham gia đấu thầu, kê cả văn bản để nghị làm rõ HSMT và văn bân giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản để nghị rút HSDT, sửa đối, thay thế HSDT;*
* *Tham gia quá trĩnh thương thảo, hoàn thiện họp đồng;*
* *Ký đon kiên nghị trong trường họp nhà thâu có kiến nghị;*
* *Ký kết họp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn](2}*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của *[ghi tên nhà thầu]. [ghi*

*tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi

ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày đến ngày (3). Giấy ủy

quyền này được lập thành có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ

bản, người được ủy quyền giữ bản, Bên mời thầu giữ bản.

, ngày tháng năm

.., ngày tháng năm...

**Người được iiy quyền***[ghi tên, chức danh, kỷ tên và  
đóng dẩu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[ghi tên người đại diện theo phéip luật  
của nhà tháu, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]*

***Ghi chú:***

*(ỉ) Trường hợp úy quyền thì nhà thầu phải scan đính kèm Giấy ủy quyền trên Hệ thống cùng với HSDT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thâu cho câp phó, câp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đâu văn phòng đại diện của nhà thâu đê thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà tháu thực hiện một hoặc các nội dưng công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dâu trong trường họp được ủy quyển có thẻ là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyển cho người khác.*

*Đôi với đâu thâu dược liệu/vị thuốc cố truyền qua mạng, Giấy ủy quyển không bao gôm ủy quyển ký đơn dự thầu và ký thỏa thuận liên danh; việc ký đơn dự thầu và ký thỏa thuận liên danh được thực hiện thông qua chứng thư sổ của*

*nhà thâu. Trường họp ủy quyên ký đơn dự thâu và ký thỏa thuận liên danh thì người được ủy quyền phải sư dụng chứng thư so của người ủy quyển.*

*Trường hợp Giảm đốc chi nhảnh được ủy quyển ký đon dự tháu và Giám đôc chỉ nhảnh sử dụng chứng thư sổ của mình đê ký đơn dự thâu thỉ tên nhà thầu trích xuất trong đon dự thầu là chi nhánh và nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt về tư cách họp lệ.*

1. *Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu có thê bô sung thêm các nội dung ủy quyển khác.*
2. *Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù họp với quá trình tham gia đâu tháu.*

**Mẩu số 03 (webform trên Hệ thống)**

THỎA THUẬN LIÊN DANH (1)

Ngày:*[Hệ thong tự động trích xuất]*

Gói thầu: *[Hệ thong tự động trích xuất]*

Thuộc dự án:*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ a> *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ(2)*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ HSMT Gói thầu:*Hệ thong tự động trích xuất]* với sổ TBMT,- *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:***[Hệ thống tự động trích xuất]*

Số đăng ký doanh nghiệp:*[Hệ thong tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

**Tên thành viên liên danh thứ hai:***[Hệ thong tự động trích xuất]*

Số đăng ký doanh nghiệp:*[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

**Tên thành viên liên danh thứ n:***[Hệ thống tự động trích xuất]* Số đăng ký doanh nghiệp:*[Hệ thong tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu*[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án*[Hệ thong tự động trích xuất].*
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là:*[ghi tên của liên danh].*
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác đê tham gia gói thầu này. Trường họp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong họp đồng. Trường họp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

* *Bôi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
* *Bôi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
* *Hình thức xử lý khác[ghi rõ hình thức xử lý khác].*

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu *[Hệ thông tự động trích xuất]* thuộc dự án *[Hệ thông tự động trích*

*xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công*[Hệ thong tự động trích xuất thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau(3):

* Sử dụng tài khoản, chứng thư số đế nộp HSDT cho cả liên danh.

*[-Ký các văn bản, tài liệu đê giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trĩnh, làm rô HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;*

* *Thực hiện bảo đảm dự thâu cho cả liên danh;*
* *Tham gia quá trình thưong thảo, hoàn thiện hợp đồng;*
* *Ký đơn kiến nghị trong trường họp nhà thầu có kiến nghị;*
* *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng[ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

1. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây(4):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên các thành viên trong liên danh** | **Nội dung công việc đảm nhận • •** | **Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so vói tống giá dự thầu** |
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh  *(Hệ thong tự động trích xuất)* | **—** | - %  - % |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | **-** | - %  - % |
| .... | .... | **....** |  |
| **Tổng cộng** | | **Toàn bộ công việc của gói thầu** | **100%** |

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kế từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

* Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
* Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
* Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
* Hủy thầu gói thầu*[Hệ thong tự động trích xuất]* thuộc dự án *[Hệ thong tự động trích xuất]* theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

*[xác nhận, chữ ký sô]*

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

*[xác nhận, chữ ký so]*

Ghi chú:

1. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.
2. Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
3. Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
4. Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị

tưong ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đúng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục trong phạm vi công việc. /

**Mầu số 04a (Scan đính kèm)**

**BẢO LÃNH DỤ THÀU(1)**

*(Áp dụng đổi với nhà thầu độc lập)*

**Bên thụ hưỏng:** *[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu quy định tại Mục ỉ. 1 E-*

*BDL]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:** *[ghi ngày phát hành bào lãnh]*

**BẢO LÃNH Dự THẦU số:** *[ghi số trích yếu của Bào lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:** *[ghi tên và địa chi nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa*

*được thể hiện ờ phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo ràng *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”)

sẽ tham dự thầu để thực hiện gỏi thầu*[ghi tên gỏi thầu]* thuộc dự án*[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu/E-TBMT sổ*[ghi so trích yểu của Thư mời thầu/E-TBMTj.*

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hường rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là*[ghi rõ giá trị bang so, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].*

Bảo lãnh này có hiệu lực trong (2) ngày, kể từ ngày tháng năm (3\

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết(4) sẽ thanh toán cho Bên thụ hướng một khoản tiền là*[ghì rõ giá trị bang so, bằng chữ và đồng liền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Nhà thầu rát E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực cùa E- HSDT;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đau thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 32.1 E-CDNT của E-HSMT;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thào hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kề từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;(5)
6. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại

Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong họp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kế từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải dược gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện họp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

1. Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký họp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo diều kiện gây bất lợi cho Chù đầu tư, Bên mời thau thi bão lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đàm quyền lợi cùa Chủ đầu tư, Bên mời thầu frong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.
2. Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL.**
3. Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL.**
4. Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bào lãnh được coi là không hợp lệ.
5. Chỉ áp dụng đổi với mua sắm tập trung có sử dụng thỏa thuận khung.

**Mẫu số 04b (Scan đính kèm)**

**BẢO LÃNH DỤ THẦU<1>**

*(áp dụng đổi với nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưỏng:** *[ghi tên và địa chi cùa Bên mỏi thầu quy định tại Mục 1.1 E-*

*BDL]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:** *[ghi ngày phát hành bào lãnh]*

**BẢO LẢNH Dự THẦU số:** *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:** *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thê hiện ớ phần tiêu dề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng *[ghi tên nhà thầu](2>* (sau đây gọi là “Nhà thầu”)

sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]*

theo Thư mời thầu/E-TBMT số*[ghi số trích yếu cùa Thư mời thầu/E-TBMT].*

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hường ràng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bàng một khoản tiền là*[ghi rõ giá trị bằng sổ, bằng chữ và dồng tiền sử dụng].*

Bảo lãnh này có hiệu lực trong (3) ngày, kể từ ngày tháng năm (4).

Theo yêu cầu của Nhà thau, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết(5) sẽ thanh toán cho Bên thụ hường một khoản tiền là *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*

*sừ dụng]* khi nhận dược văn bán thông báo từ Bên thụ hường về vi phạm cùa Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Nhà thầu rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E- HSDT;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đẩu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 32.1 E-CDNT cua E-HSMT;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chổi tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kế từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thào hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thào qua mạng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện họp đồng trong thời hạn 20 ngày, kế từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện họp đồng nhưng từ chối ký họp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định cùa pháp luật dân sự;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;(6)
6. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện họp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;
7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh*[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]*

vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả báo đàm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT của E-HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kề từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điềm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện họp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đỏng dấu]*

Ghi chú:

1. Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hon, thời gian hiệu lực ngan hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hường, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bào lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chù đầu tư, bên mòi thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bào lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.
2. Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

* Tên của cà nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;
* Tên cùa thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + c tham dự thầu, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường họp trong thóa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và c thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;
* Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

1. Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL.**
2. Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL.**
3. Trường hợp bào lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đau tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.
4. Chỉ áp dụng đối với mua sắm tập trung có sử dụng thỏa thuận khung.

**Mẩu số 05 (a) (webform trên Hệ thống)**

**BẢNG GIÁ DỤ THẦU**

**(Dành cho nhà thầu)**

**(Gói thầu dược liệu)**

**Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu(1)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT theo HS MT* | *Tên dược liệu* | *Bộ phậ n dùn s* | *Tên kho a học* | *Dạ ng sơ chế* | *Quy cách đóng gỏi* | *Phân nhóm* | *Hạn dùng (Tuổi thọ)* | *SỐĐKLH/ GPNK/SỔ công hố TCCL (2>* | *Cơ sở sản xuất* | *Cơ sở cung . ỉ- câp* | *Đơn vị tính* | *Đơn giá dự thầu* | *số lượn g dự thầu* | *Th ùn h tiề n* |
| *(!)* | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** | ***(8)*** | ***(9)*** | ***(10)*** | *(ỉ ỉ)* | ***(12)*** | ***(13)*** | ***(14)*** |  |
| *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

1. *Tiêu chuân thực hành tôt của nhà thâu: Ghi rõ các Giây chứng nhận thực hành tốt (GMP, WHO-GMP, PIC/s-GMP, EƯ-GMP hoặc tương đương EƯ- GMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.*
2. *Giây đăng ký lưu hành hoặc GPNK: Ghi rõ sô giây đăng ký lưu hành của dược liệu hoặc số giấy phép nhập khâu hoặc TCCL;*

* ***Các cột (2), (3), (4), (5), (7), (14) được trích xuất từ Mẩu số 00 Chương này.***
* *Các cột còn lại nhà thâu điển trên webform đê hình thành giá dự thầu*

**Mẩu số 05 (b) (webform trên Hệ thống)**

**BẢNG GIÁ DỤ THẦU**

**(Dành cho nhà thầu)**

**(Gói thầu vị thuốc cổ truyền)**

**Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thẩu(1): t ——**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT theo HS MT* | *Tên vị thuốc cổ truyề n* | *Bộ phậ n (lùn g* | *Tên kho a học* | *Phu ơng phá p . chế biế n* | *Quy cách đóng gói* | *Phân nhóm* | *Hạn dùng (Tuoi thọ)* | *số ĐKLH/ GPNK* (ỉ) | *Cơ sở sản xuât* | *Cơ sở cung cấp* | *Đơn*  V/ *tính* | *Đơn giá dự thầu* | *Sổ lượn gdự thầu* | *Thán h tier* |
| ***(1)*** | *(21* | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** | ***(8)*** | ***(9)*** | ***(10)*** | ***(11)*** | ***(12)*** | ***(13 )*** | ***(14)*** | ***(15)*** |
| *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

1. *Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu: Ghi rõ các Giấy chứng nhận thực hành tốt (GMP, WHO-GMP, PIC/s-GMP, EU-GMP hoặc tương đương EƯ- GMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.*
2. *Giấy đăng ký lưu hành hoặc GPNK: Ghi rõ sổ giấy đăng ký lưu hành của vị thuốc cô truyền hoặc số giấy phép nhập khấu;*

* ***Các cột (2), (3), (4), (5), (7), (14) được trích xuất từ Mẩu số 00 Chương này.***
* *Các cột còn lại nhà thầu điền trên webform đê hình thành giá dự thầu*



~ yT 1 A

**Mau so 00 (webform trên Hệ thống)**

**BẢNG PHẠM VI CƯNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VÈ  
KỸ THUẬT CỦA DƯỢC LIỆU/VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN  
(Dành cho Bên mòi thầu)**

1. **Đối vó’i gói thầu duợc liệu:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Dưọc liệu** | **Bộ phận dùng** | **Tên khoa học** | **Dạng SO' chế** | **Phân**  **Nhóm** | **Đon vị tính** | **Số lưọng** | **Giá kế hoạc h** | **Tiến độ cung cấp** | **Giá trị bảo đảm dự thầu** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. **Đối vói gói thầu vị thuốc cổ truyền:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên vị thuốc cổ truyền** | **Bộ phận dùng** | **Tên khoa học** | **pp chế biến** | **Phân**  **Nhóm** | **Đon vị tinh** | **Số lưọng** | **Giá kế hoạc h** | **Tiến độ cung cap** | **Giá trị bảo đảm dự thầu** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Đối với các biểu mẫu còn lại được thực hiện theo Chương IV Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CÁP**

**Chương V. Phạm vi cung cấp**

* Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp thuốc, yêu cầu về tiêu chuẩn kỳ thuật của thuốc thực hiện theo Mầu số 00 Chương IV và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu cần nhập thông tin vào các webform tương ứng phù hợp với gói thầu để phát hành HSMT và nộp HSDT trên Hệ thống.
* Các nội dung còn lại thực hiện theo Chương V Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIẾU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

Chương này thực hiện theo Chương VI Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thong.

**Chương VII Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Chương này thực hiện theo Chương VII Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chương VIII. BIỂU MẨU HỢP ĐỒNG**

Chương này thực hiện theo Chương VIII Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 4. PHỤ LỤC**

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Phần này thực hiện theo Phần 4 Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được Bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.